

Bản án số: 04/2025/KDTM-PT

Ngày: 29/4/2025

V/v “Tranh chấp HĐ mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phở, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Diệu L - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/DKTM-ST ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 2 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (A)**

Địa chỉ: 3, B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Trịnh C, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Bình K, chức vụ: Phó giám đốc (Giấy ủy quyền số 279/UQ-AGR-HC ngày 30/7/2024), có mặt.

*** Bị đơn: Công ty cổ phần N**

Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Ngọc A, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A là ông Lê Đức T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (**Giấy ủy quyền số 01/1124 UQ ngày 23/11/2024**), có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn – Công ty cổ phần N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/8/2024 của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên X (A) và người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Bình K trình bày:

Công ty TNHH một thành viên X (gọi tắt là Công ty A1) và Công ty cổ phần N (gọi tắt là Công ty N) có ký Hợp đồng mua bán số 206/HĐ-AGR-KDXNK ngày 21/5/2024 (gọi tắt là Hợp đồng 206).

Căn cứ hợp đồng mua bán, Công ty A1 đã giao đủ số lượng 13.599 kg bột huyết tương cho Công ty N. Tổng giá trị hàng hóa là 1.359.900.000 đồng theo hóa đơn 248 ngày 22/5/2024 và hóa đơn 294 ngày 13/6/2024.

Theo hợp đồng đã ký, Công ty N1 thanh toán chuyển khoản 2 đợt: ngày 31/5 và 30/6/2024. Tuy nhiên, đến ngày 12/6/2024 Công ty N mới chỉ thanh toán 300.000.000 đồng, còn nợ lại 1.059.900.000 đồng. Công ty N1 đã nhiều lần gửi văn bản xin gia hạn thời gian, cam kết thanh toán nhưng không thực hiện theo cam kết. Ngày 12/7/2024, Công ty N tiếp tục việc trì hoãn thanh toán và gửi văn bản số 003/CV-NU/2024 xin gia hạn thanh toán, ngày 25/7/2024 thanh toán được 359.900.000 đồng và đến ngày 31/7/2024 thanh toán thêm 700.000.000 đồng. Ngày 22/7/2024, Công ty A1 tiếp tục gửi văn bản đề nghị thanh toán tiền hàng nhưng đến ngày 02/10/2024 Công ty N mới thanh toán được thêm là 172.700.000 đồng, còn nợ lại là 887.200.000 đồng.

Nay Công ty A1 yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền mua hàng còn lại là 887.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu khấu trừ tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng mà Công ty N đã đặt cọc cho Công ty A1 theo Hợp đồng số 303/HĐ-AGR-KDXNK ngày 04/11/2021 (gọi tắt là Hợp đồng 303) và phụ lục hợp đồng ngày 02/12/2021 thì phía Công ty A1 không đồng ý vì quá trình thực hiện hợp đồng 303 Công ty N1 đã vi phạm nghĩa vụ, Hợp đồng 303 còn có nhiều thỏa thuận khác rất phức tạp, đồng thời cũng không liên quan đến hợp đồng mà phía Công ty A1 đang tranh chấp. Nếu có tranh chấp, Công ty N có thể khởi kiện trong vụ án khác.

Bị đơn Công ty N, người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Đức T trình bày:

Công ty N và Công ty A1 là bạn hàng từ năm 2017 cho đến nay. Trong suốt thời gian đó, Công ty N1 đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo các hợp đồng đã ký.

Ngày 21/5/2024 Công ty N tiếp tục ký hợp đồng mua bán huyết tương bò số 206/HĐ-AGR-KDXNK với Công ty A1, trị giá hợp đồng là 1.360.000.000 đồng. Ngày 12/6/2024 Công ty N đã thanh toán số tiền là 300.000.000 đồng, ngày 02/10/2024 có thanh toán thêm là 172.700.000 đồng. Như vậy hiện Công ty N chỉ còn nợ 887.200.000 đồng như Công ty A1 trình bày.

Nay Công ty N đồng ý còn nợ Công ty A1 số tiền 887.200.000 đồng theo Hợp đồng 206 tuy nhiên yêu cầu khấu trừ số tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng mà Công ty N đã đặt cọc cho Công ty A1 theo Hợp đồng 303 và phụ lục hợp đồng 01 ngày 02/12/2021.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 50, 55 của Luật Thương mại; Điều 147, 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (A) đối với Công ty cổ phần N về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc Công ty cổ phần N trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (A1) số tiền 887.200.000 đồng. Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/01/2025, bị đơn – Công ty cổ phần N có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn đồng ý trả số tiền 887.200.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng yêu cầu khấu trừ số tiền đặt cọc 400.000.000 đồng của Hợp đồng 303. Nhận thấy, yêu cầu này phía bị đơn đưa ra sau phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ, mặt khác Hợp đồng 303 và Hợp đồng 206 là 02 hợp đồng độc lập. Do vậy, cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nhận định yêu cầu của

bị đơn sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu là có cơ sở, nên cần bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Công ty cổ phần N yêu cầu khấu trừ số tiền đặt cọc số tiền 400.000.000 đồng trước đó vào số công nợ 887.200.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện, thấy rằng:

Ngày 21/5/2024 Công ty A1 và Công ty N có ký Hợp đồng mua bán số 206, theo Hợp đồng thì bên Công ty A1 đã giao đủ số lượng bột huyết tương như thỏa thuận (hóa đơn 248 ngày 22/5/2024 và hóa đơn 294 ngày 13/6/2024) nhưng Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn thiếu là 887.200.000 đồng theo Hợp đồng mua bán trên, bị đơn thừa nhận nhưng yêu cầu khấu trừ vào số tiền đặt cọc 400.000.000 đồng của Hợp đồng số 303, phụ lục số 01 ngày 02/12/2021. Đối với yêu cầu khấu trừ này nguyên đơn không đồng ý vì số tiền đặt cọc này không liên quan đến Hợp đồng số 206 mà nguyên đơn đang tranh chấp.

Xét thấy, ngày 25/11/2024, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời cùng ngày tiến hành hoà giải, hai bên đã thống nhất việc giải quyết vụ án, cụ thể bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 887.200.000 đồng cho nguyên đơn. Ngày 01/12/2024, phía bị đơn có đơn thay đổi ý kiến đề nghị khấu trừ số tiền 400.000.000 đồng của hợp đồng ký kết giữa hai bên vào ngày 04/11/2021. Do yêu cầu này được đưa ra sau thời điểm Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và trong quá trình giải quyết bị đơn không có yêu cầu phản tố liên quan đến Hợp đồng số 303 nên cấp sơ thẩm không có cơ sở xem xét và nhận định sau này nếu các bên có tranh chấp được quyền khởi kiện trong vụ án khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty N phải chịu 38.616.000 đồng.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty N phải chịu phải chịu 2.000.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Công ty cổ phần N.

Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 50, 55 của Luật Thương mại; Điều 147, 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (A) đối với Công ty cổ phần N về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc Công ty cổ phần N trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (A) số tiền 887.200.000 (T1 trăm tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng.

Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (A) không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần N phải chịu 38.616.000 (ba mươi tám triệu sáu trăm mười sáu nghìn) đồng.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (A1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.898.500 (Hai mươi một triệu tám trăm chín mươi tám nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí của tòa án số 0014461 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Công ty cổ phần N phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng, được khấu trừ 2.000.000 (Hai triệu) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0010455 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Phòng KTNV & THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

